TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2025/HC-PT
Ngày 25 tháng 3 năm 2025

V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam
Ông Trần Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai theo hình thức trực tuyến xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 349/2024/TLPT-HC ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất", do Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2024/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2179/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1972; nơi ĐKHKTT: Số C C, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số D Đường B, phường Đ, Quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện (Theo Giấy uỷ quyền ngày 15/01/2024):

1. Ông Phạm Hữu C, sinh năm 1957; nơi ĐKHKTT: Số G N, phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Nhà số E, đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

2. Ông Trần Minh P, sinh năm 1957; nơi ĐKHKTT: Số A N, phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số F Ngõ A đường Đ, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng.

3. Ông Đặng Đình P1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

4. Ông Ngô Duy H, sinh năm 1950; nơi ĐKHKTT: Số D N, phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Nhà số F, Ngõ A, đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

5. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1977; nơi ĐKHKTT: Số C N, phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Nhà số B H, phường T, Quận L, thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Ông Trần Văn H2, Luật sư của Công ty L2 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Lô A, khu Đ, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Ông Trần Đại P2, Luật sư của Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: P, CT4-1 Khu đô thị M, quận N, thành phố Hà Nội.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân quận N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng: Ông Nguyễn Quốc T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N (Giấy uỷ quyền ngày 17/02/2025).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977; nơi ĐKHKTT: Nhà số C C, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Nhà số D Đường B, phường Đ, Quận N, thành phố Hải Phòng.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Quang V (là người khởi kiện).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang V, ông Phạm Hữu C, ông Đặng Đình P1, ông Ngô Duy H, bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Trần Văn H2 có mặt; bà Nguyễn Thị M, ông Trần Minh P, ông Trần Đại P2 vắng mặt; người đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 30 tháng 8 năm 2023, các đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Nguyễn Quang V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M thống nhất trình bày:

Thửa đất của gia đình ông V bị thu hồi có địa chỉ tại Số A Đường N, trước đây có nguồn gốc là của cụ Đồng Thị D (Giấm) tự khai hoang, vượt lập từ những năm 1970. Năm 1979, cụ Đồng Thị D viết giấy tay chuyển nhượng cho cụ Nguyễn Xuân T1 diện tích đất là 200m^2. Năm 2002 các con của ông T1 là ông Nguyễn Xuân H3, ông Nguyễn Thế C1 và ông Nguyễn Thế L chuyển nhượng nhà

và đất tại địa chỉ Số A và 112, có tổng diện tích 110m^2 cho gia đình bà Đoàn Thị Kim P3 (cụ Phạm Thị C2). Năm 1996 khi thực hiện Dự án Đường E, Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất và xác định là đất ở, đủ điều kiện bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi.

Năm 2001, sau khi thực hiện xong Dự án Đường E, Uỷ ban nhân dân (UBND) phường L đã tiến hành đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất và cấp cho gia đình ông Nguyễn Thế L hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Các tài liệu này đều thể hiện diện tích sử dụng hợp pháp tại số nhà A diện tích đất ở là 51,2m^2.

Năm 2013, vợ chồng ông V mua lại diện tích đất trên của gia đình bà P3 và sinh sống ổn định, không có tranh chấp đất với cá nhân, tổ chức nào.

Đến năm 2018, Nhà nước thi công đường mương cống hộp đã làm nứt vỡ nhà của gia đình ông V, Nhà nước đã bồi thường tiền để gia đình ông V xây lại căn nhà phía mặt mương đã được thi công theo đúng chỉ giới đo đạc để kiểm đếm trước đó.

Ngày 13/5/2020, Trung tâm K1 thuộc Sở T5 (TNMT) lập Trích lục địa chính số 69/2020-TL, diện tích đất ở của gia đình ông V sử dụng là 63,2m^2. Như vậy, gia đình ông V đã sử dụng đất ổn định từ trước năm 1980, không có tranh chấp, không có hành vi vi phạm về đất đai, được ghi nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp bởi các cơ quan Nhà nước qua nhiều thời kỳ. Vì vậy, gia đình ông V thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, phải được bồi thường đủ 100% giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất với diện tích đất ở là 63,2m^2. Tuy nhiên, UBND Quận N đã ban hành các văn bản không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông V.

UBND Quận N và UBND phường L xác định một phần diện tích đất gia đình ông V đang sử dụng lấn chiếm đất là hồ cá của Hợp tác xã N (HTXNN) Đông Xuân, nhưng lại không có bất kỳ văn bản nào chứng minh được vấn đề này, chỉ xác định một cách mơ hồ, thiếu căn cứ.

Hợp tác xã Đ trước đây là HTXNN, có trụ sở thuộc địa giới hành chính huyện A cũ, nay là Quận L. Toàn bộ đất đai, tư liệu sản xuất của HTX Đ trước đây nếu có sẽ phải do UBND huyện A mới đủ thẩm quyền giao. Trong khi đó địa giới hành chính của huyện A tách biệt hoàn toàn so với địa giới của Quận N, giới hạn bởi con đường L và mương An Kim H4. Vì vậy, việc UBND Quận N cho rằng gia đình ông V sử dụng đất thuộc HTX Đ là không có cơ sở. UBND Quận N cũng không có tài liệu nào chứng minh HTX Đ được UBND Quận N giao đất hợp pháp; không có căn cứ chứng minh hành vi vi phạm của người sử dụng đất thông qua Biên bản vi phạm hành chính hoặc Quyết định xử phạt hành chính. Do vậy, UBND Quận N và UBND phường L xác định sai nguồn gốc đất của gia đình ông V dẫn đến việc lập phương án bồi thường trừ 50% giá trị quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND Quận N xử phạt vi phạm hành chính không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật. Năm 2001, sau khi thực hiện Dự án Đường

E, UBND phường L đã tiến hành đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất và cấp cho gia đình ông Nguyễn Thế L (chủ sử dụng cũ) Hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Tài liệu này đều thể hiện diện tích sử dụng hợp pháp tại số nhà A N diện tích đất ở là 51,2m^2. Trích lục địa chính số 69/2020-TL ghi nhận gia đình ông V sử dụng 63,2m^2 đất ở. Tuy nhiên, khi thu hồi đất UBND Quận N lại chỉ lập phương án bồi thường diện tích 44,34m^2 đất ở cho gia đình ông V với lý do đã có hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi (mương An Kim H4). UBND Quận N đã ban hành các quyết định dựa vào các biên bản hoàn toàn không có căn cứ của UBND phường L dẫn đến việc xử lý vi phạm không đúng quy định của pháp luật.

Tháng 11 năm 2022, khi UBND Quận N thông báo thu hồi đất thì gia đình ông V biết Chủ tịch UBND Quận N ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi. Căn cứ để UBND Quận N ban hành các quyết định kể trên là Biên bản vi phạm hành chính do UBND phường L lập và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 119/BB-XM ngày 01/11/2022. Ông V cho rằng các biên bản này lập trái quy định của pháp luật về nội dung và hình thức: về trình tự: Luật xử lý vi phạm hành chính đã quy định rõ trình tự lập biên bản vi phạm, theo đó yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình xử lý. Các bước của quy trình buộc cơ quan có thẩm quyền xử phạt phải làm việc với người vi phạm. Nhưng UBND phường L tiến hành lập biên bản vi phạm và biên bản xác minh tình tiết vi phạm, gia đình ông V đều không biết, không nhận được bất kỳ thông báo nào và cũng không được giải trình. Về nội dung: những người dân đã sinh sống tại thửa đất này hàng chục năm, chưa bao giờ bị cơ quan chức năng thông báo hay xử lý về hành vi vi phạm; những người ký tên vào Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính ngày 01/11/2022 thì tại thời điểm năm 2006 chưa giữ bất kỳ chức vụ, quyền hạn nào tại UBND phường L hay tổ dân phố. Đến năm 2013, gia đình ông V mới mua nhà, đất và về đây sinh sống nhưng UBND phường L lại xác định từ năm 2006 gia đình ông V đã vi phạm hành lang mương An Kim H4. Căn cứ vào Trích lục địa chính số 69/2020-TL do Trung tâm K1 lập ngày 13/5/2020, ông V thấy rằng thửa đất của gia đình ông không vi phạm vào chỉ giới xây dựng vậy thì UBND phường L căn cứ vào đâu để xác định gia đình ông V lấn chiếm 18,86m^2 hành lang mương An Kim H4.

Về giá đất, UBND Quận N chưa tính toán bồi thường cho gia đình ông V theo quy định: Diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông V có 02 mặt đều giáp đường, phía trước giáp Đường N; phía sau giáp Đường B. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Quy định về Bảng giá đất thành phố Hải Phòng (Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2019 về Bảng giá đất giai đoạn 2020-2040) thì thửa đất gia đình ông V bị thu hồi thuộc trường hợp tiếp giáp 02 đường, phố. Do đó, UBND Quận N phải chi trả thêm 10% so với giá được quy định trong Quyết định phê duyệt giá đất số 1535/2022/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND thành phố H.

UBND Quận N không thực hiện việc bố trí tái định cư cho gia đình ông V theo quy định của pháp luật. Tại khoản 3 Điều 85 của Luật Đất đai quy định: Việc thu hồi đất chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành xây dựng nhà ở hoặc cơ sở hạ tầng của khu tái định cư. Ông V sẽ dùng số tiền được hỗ trợ để thuê nhà trong thời gian chờ đợi việc xây dựng các công trình nhà ở trên đất tái định cư. Nhưng trên thực tế, UBND Quận N đã tiến hành thu hồi đất của gia đình ông V và các hộ khác từ ngày 17/11/2022, đến nay đã hơn 01 năm nhưng gia đình ông V vẫn chưa nhận được đất tái định cư. Do đó, UBND Quận N phải chi trả thêm phần hỗ trợ tạm lánh cho đến khi gia đình ông V được nhận bàn giao đất tái định cư và nhận tiền hỗ trợ thêm 06 tháng kể từ khi nhận đất. Tại phiên đối thoại ngày 16/01/2024, người khởi kiện bổ sung yêu cầu đề nghị xét giao 01 suất tái định cư hộ phụ cho gia đình con trai của ông V là anh Nguyễn Quang H5 và vợ là chị Nguyễn Thị Thu P4, anh H5 và chị P4 kết hôn năm 2019 và sinh sống cùng vợ chồng ông V từ năm 2019 cho đến thời điểm thu hồi đất.

Từ việc UBND Quận N xác định sai nguồn gốc đất; việc tính toán giá bồi thường chưa đúng quy định của pháp luật; việc lập biên bản và ra quyết định xử lý vi phạm hành chính không đúng về trình tự, thủ tục và nội dung; việc bố trí tái định cư và tạm lánh không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông V. Do vậy ông V khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên huỷ các quyết định hành chính trái pháp luật, cụ thể:

- Huỷ Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND Quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn Phường Đ (giai đoạn 1).

- Huỷ Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND Quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn Phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, Quận N (kèm theo là phương án bồi thường của hộ gia đình ông Nguyễn Quang V).

- Huỷ Quyết định số 2580/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND Quận N, thành phố Hải Phòng.

- Huỷ Quyết định 2913/QĐ-SĐBSHB ngày 02/11/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định số 2580/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND Quận N, thành phố Hải Phòng.

- Huỷ Quyết định số 3626/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND Quận N, thành phố Hải Phòng.

- Huỷ Quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND Quận N

- Huỷ Quyết định sửa đổi, bổ sung một phần trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND Quận N

2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND Quận N và Chủ tịch UBND Quận N, thành phố Hải Phòng trình bày:

a) Về nguồn gốc diện tích đất có khiếu kiện:

Thửa đất UBND Quận N thu hồi của hộ ông Nguyễn Quang V có nguồn gốc nguyên là đất hồ cá của Hợp tác xã Đ. Bà Đồng Thị D tự vượt lập trước năm 1980, sau đó bán cho bà Nguyễn Thị T2 (hiện tại giấy tờ chuyển nhượng đã bị thất lạc).

Theo bản đồ địa chính Đường 5 năm 1996, hộ bà T2 sử dụng đất thuộc thửa 122b+122a+122+123b+123a+123, diện tích 192,41m^2. Diện tích theo chỉ giới thu hồi là 104,66m^2 (thực tế thu hồi 128,06m^2; trong đó 24,4m^2 bồi thường ngoài bản đồ địa chính); diện tích đất còn lại là 87,75m^2, trong đó gồm 02 hộ sử dụng là gia đình ông Nguyễn Quang V sử dụng diện tích đất 44,34m^2 và gia đình bà Đoàn Thị Kim P3 sử dụng diện tích đất 43,41m^2.

Năm 2001, khi đo vẽ thành lập Bản đồ địa chính phường L, ông Nguyễn Thế L (là chủ cũ) kê khai sử dụng đất tại thửa số 88, tờ bản đồ địa chính LT23, diện tích 51,2m^2, mục đích sử dụng đất: Làm nhà ở. Diện tích biến động tăng 6,86m^2 là do sử dụng ra mương An Kim H4.

Bà Nguyễn Thị T2 chết, các ông Nguyễn Thế C1, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Thế L (là đại diện của hộ bà Nguyễn Thị T2) lập Giấy biên nhận viết tay bán nhà cho bà Phạm Thị C2, ông Hà Văn L1 và bà Đoàn Thị Kim P3. Sau đó, bà Đoàn Thị Kim P3, anh Hà Huy H6, chị Hà Thị Phương T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị M, có giấy chuyển nhượng nhà viết tay.

Năm 2020 lập Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500, hộ ông Nguyễn Quang V sử dụng đất tại thửa đất 99, loại đất ở đô thị, diện tích 63,2m^2. Diện tích biến động tăng 12,0m^2 so với Bản đồ địa chính năm 2001 là do tiếp tục sử dụng ra mương An Kim H4.

b) Về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Quang V:

Căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất các hộ gia đình có đất thu hồi thực hiện Dự án do UBND phường L báo cáo; Phòng TNMT quận đã thẩm định nguồn gốc sử dụng đất của các hộ gia đình trình UBND quận xác nhận làm cơ sở lập và phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Theo kết quả thẩm định, hộ ông Nguyễn Quang V bị thu hồi 63,2m^2, đủ điều kiện bồi thường về đất ở đối với diện tích 44,34m^2 nhưng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính 50%, căn cứ theo Điều 74, Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013: *"Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số*

điều của Luật Đất đai, nhưng nay nếu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất".

Như vậy, UBND Quận N đã ban hành Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Quang V là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Theo phương án lập thì hộ ông V được bồi thường về đất: 1.066.377.000 đồng; bồi thường về vật kiến trúc: 515.033.876 đồng; bồi thường về cây trồng: 1.100.000 đồng; bồi thường chi phí di chuyển: 5.000.000 đồng; các khoản hỗ trợ: 41.000.000 đồng (hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ ổn định cuộc sống tại khu tái định cư, hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian bố trí vào khu tái định cư). Về tái định cư: Hộ ông Nguyễn Quang V đủ điều kiện giao 01 suất đất tái định cư.

c) Căn cứ xác định hộ ông V có hành vi vi phạm hành chính khi sử dụng đất: Căn cứ Bản đồ địa chính thực hiện Dự án Đường 5 năm 1996 và phương án bồi thường thì phần diện tích đất còn lại sau thu hồi đất phục vụ dự án tuyến Đường 5 kéo dài đủ điều kiện bồi thường là đất ở. Đối chiếu với Bản đồ địa chính phường L năm 2001, Trích lục địa chính thu hồi đất lập năm 2020 thì phần diện tích đất biến động tăng được xác định là đất do các hộ dân chiếm dụng. Căn cứ Bản đồ địa chính phường Lạch Tray năm 2001 (phần diện tích đất thuỷ lợi) và Bản đồ địa chính thực hiện Dự án Đường 5 năm 1996 thì phần diện tích đất biến động tăng sau khi thu hồi đất phía mương An Kim H4 là đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi.

Về việc lập Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính của UBND phường L là đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 58, Điều 59 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 29 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; khoản 6 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo các quy định này thì mặc dù tại Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết không có chữ ký của người vi phạm nhưng đã có chữ ký của đại diện chính quyền địa phương và người làm chứng. Ngoài ra, Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết do người có thẩm quyền lập đã gửi cho người vi phạm theo quy định tại Điều 70 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

d) Về việc ban hành Quyết định buộc thực hiện khắc phục hậu quả: Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi thì UBND Quận N cần ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xây dựng trái phép nhà và công trình khác trên đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi. Tuy nhiên, hành vi xây dựng đã kết thúc năm 2006 nên thời điểm kết thúc hành vi vi phạm này được xác định để tính thời hiệu xử phạt, xử lý vi phạm hành chính để ban hành Quyết định buộc thực

hiện khắc phục do hết thời hiệu xử phạt. Về hành vi này, Chủ tịch UBND Quận N đã ra Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2580/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 và Quyết định sửa đổi số 2913/QĐ-SĐBSHB ngày 02/11/2022 đối với hành vi ông V đã xây dựng trái phép nhà và công trình khác trên phần diện tích đất 37,6m^2 thuộc phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi. Cụ thể: Ông V buộc phải phá dỡ công trình xây dựng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. Căn cứ vào khoản 3 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 13, 14, 15 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính để UBND Quận N ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một phần trong Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Lý do sửa đổi, bổ sung: Chủ tịch UBND Quận N sau khi ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đã kiểm tra, rà soát thấy có sai sót nên đã sửa đổi, bổ sung, đính chính Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính do UBND Quận N thiết lập bao gồm: Biên bản vi phạm hành chính; Biên bản xác minh tình tiết; Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Do ông V không tự nguyện thực hiện nên ngày 12/12/2022, Chủ tịch UBND Quận N đã ban hành Quyết định số 3626/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, UBND Quận N đã thực hiện đầy đủ, trình tự, thủ tục thu hồi đất, buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật. Đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông V.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quang V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; lời trình bày và xác nhận đã nhận suất tái định cư hộ chính cuối năm 2023 và số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án do UBND Quận N. Ông V, bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V đề nghị tuyên huỷ các quyết định: Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND Quận N về việc thu hồi đất; Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND Quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn Phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, Quận N (kèm theo là phương án bồi thường của hộ gia đình ông Nguyễn Quang V); Quyết định số 2580/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND Quận N, thành phố Hải Phòng; Quyết định 2913/QĐ-SĐBSHB ngày 02/11/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định số 2580/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 của Chủ tịch UBND Quận N, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 3626/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND Quận N Tính toán lại phương án bồi thường cho gia đình ông V được bồi thường 100% diện tích đất ở thu hồi là 63,2m^2; bồi thường thêm 10% giá trị đất do vị trí đất thu hồi giáp 02 đường; được cấp 01 suất tái định cư hộ phụ cho vợ chồng con trai của ông V là anh H5, chị P4; được bồi thường số tiền tạm lánh trong thời gian

chưa được nhận tái định cư.

Tại thời điểm khởi kiện, do chưa được tiếp cận với tài liệu do UBND Quận N cung cấp nên ông V có yêu cầu huỷ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định này. Sau khi được tiếp cận tài liệu thì ông V mới biết không có các quyết định này nên sửa đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Toà án huỷ 02 quyết định này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên lời trình bày và quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2024/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ vào các Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69, 71, 74, 75, 79, 85, 86 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 1 Điều 28, 29, điểm đ khoản 2 Điều 38, các Điều 54, 57, 58, 59, 65, 70 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 14, 15 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm c khoản 5 Điều 12, điểm b khoản 7 Điều 12, khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 18, Điều 22 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

Căn cứ Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 11 Quyết định số 54/2019/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng 05 năm (2020-2024); khoản 3 Điều 27 Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND thành phố H ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 31, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V về việc:

- Huỷ Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của Ủy ban nhân dân Quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn Phường Đ (giai đoạn 1).

- Huỷ Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của Ủy ban nhân dân Quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn Phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, Quận N (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Nguyễn Quang V).

- Huỷ Quyết định số 2580/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng.

- Huỷ Quyết định số 2913/QĐ-SĐBSHB ngày 02/11/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định số 2580/QĐ- KPHQ ngày 07/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng.

- Huỷ Quyết định số 3626/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

5. Kháng cáo:

Ngày 09/5/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Quang V có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người kháng cáo trình bày ý kiến phân tích về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng và sự biến động đối với diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Quang V. Từ đó cho rằng khi thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, UBND Quận N đã xác định sai nguồn gốc đất, dẫn đến việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông V là không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông V. Mặt khác, gia đình ông V mới chuyển về ở trên thửa đất từ năm 2013 nhưng UBND phường L lập Biên bản xác minh tình tiết vi phạm về hành vi vi phạm công trình thủy lợi mương An Kim Hải năm 2006 là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang V, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông V về việc hủy các quyết định hành chính do ông V khởi kiện, yêu cầu UBND Quận N ban hành lại các quyết định hành chính và phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình ông V cho đúng pháp luật.

6.2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, phía người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và bà Nguyễn Thị M vắng mặt

mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính. Đối với ý kiến của ông Nguyễn Quang V yêu cầu thay đổi toàn bộ thành viên Hội đồng xét xử thì ông V không đưa ra được lý do chính đáng nên không có căn cứ chấp nhận. Những người tham gia tố tụng có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Quang V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Quang V yêu cầu thay đổi toàn bộ thành viên Hội đồng xét xử nhưng ông V không đưa ra được lý do chính đáng nào. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử đã thảo luận và nhận thấy yêu cầu của ông V không thuộc trường hợp nào quy định tại các Điều 45, 46 của Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ vào quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 49 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc thay đổi các thành viên Hội đồng xét xử.

2. Về nội dung xét kháng cáo của ông Nguyễn Quang V:

[1] Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất có khiếu kiện:

Quá trình tố tụng, các đương sự đều thống nhất xác định: Tháng 11/2022, hộ ông Nguyễn Quang V bị thu hồi diện tích 63,2m^2 đất tại thửa 99 (theo Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 lập năm 2020 là loại đất ở đô thị).

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Quang V thì: Năm 2013 vợ chồng ông V mua lại diện tích đất trên của gia đình bà Đoàn Thị Kim P3 (con cụ Phạm Thị C2) và sinh sống ổn định, không có tranh chấp. Diện tích đất này có nguồn gốc là một phần thửa đất trước đây cụ Đồng Thị D (Giấm) tự khai hoang, vượt lập từ những năm 1970; năm 1979, cụ D viết giấy tay chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân T1 200m^2 đất; sau khi thực hiện xong Dự án Đường E, năm 2002 các con của ông T1 là ông Nguyễn Xuân H3, ông Nguyễn Thế C1 và ông Nguyễn Thế L chuyển nhượng nhà và đất tại địa chỉ số A và 112, có tổng diện tích 110m^2 cho gia đình bà Đoàn Thị Kim P3. Năm 2013, vợ chồng ông V nhận chuyển nhượng lại diện tích đất trên của bà P3. Ông V cho rằng: khi thực hiện Dự án Đường E vào năm 1996, Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất và xác định là đất ở, đủ điều kiện bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi; đến năm 2018, Nhà nước thi công đường mương cống hộp đã làm nứt vỡ nhà của gia đình ông V, gia đình ông V đã được bồi thường tiền để xây lại căn nhà phía mặt mương theo đúng chỉ giới đo

đạc để kiểm đếm trước đó. Vì vậy, ông V xác định gia đình ông đã sử dụng đất ổn định từ trước năm 1980, không có tranh chấp, không có hành vi vi phạm về đất đai, được các cơ quan nhà nước qua nhiều thời kỳ ghi nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp nên khi thu hồi đất thì theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 gia đình ông phải được bồi thường đủ 100% giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất với diện tích 63,2m^2 đất ở.

Phía người bị kiện thì cho rằng: Thửa đất hộ ông Nguyễn Quang V sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc nguyên là đất hồ cá của HTX Đ, do cụ Đồng Thị D tự vượt lập trước năm 1980 sau đó bán cho cụ Nguyễn Thị T2 (hiện tại giấy tờ chuyển nhượng đã bị thất lạc). Theo bản đồ địa chính Đường 5 năm 1996, hộ cụ T2 sử dụng đất thuộc thửa 122b+122a+122+123b+123a+123, diện tích 192,41m^2. Diện tích theo chỉ giới thu hồi là 104,66m^2 (thực tế thu hồi 128,06m^2; trong đó 24,4m^2 bồi thường ngoài bản đồ địa chính); diện tích đất còn lại là 87,75m^2, trong đó gồm 02 hộ sử dụng là gia đình ông Nguyễn Quang V sử dụng 44,34m^2 và gia đình bà Đoàn Thị Kim P3 sử dụng 43,41m^2. Năm 2001, khi đo vẽ thành lập Bản đồ địa chính phường L, ông Nguyễn Thế L (là chủ cũ) kê khai sử dụng đất tại thửa số 88, tờ bản đồ địa chính LT23, diện tích 51,2m^2, mục đích sử dụng làm nhà ở. Diện tích biến động tăng 6,86m^2 là do sử dụng ra mương An Kim H4. Sau khi cụ T2 chết, năm 2002 các ông Nguyễn Thế C1, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Thế L (là đại diện của hộ cụ T2) lập Giấy biên nhận viết tay bán nhà cho bà Phạm Thị C2, ông Hà Văn L1 và bà Đoàn Thị Kim P3; sau đó, bà Đoàn Thị Kim P3, anh Hà Huy H6, chị Hà Thị Phương T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị M, có giấy chuyển nhượng nhà viết tay.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Để triển khai việc thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn Phường Đ, sau khi thực hiện các thủ tục thông báo cho người có đất bị thu hồi, kiểm đếm, thẩm tra thì thấy diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông Nguyễn Quang V chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, để có căn cứ xác nhận về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất UBND phường L đã cử cán bộ chuyên môn phối hợp với đại diện Tổ dân phố số 5 tiến hành lấy ý kiến của một số công dân cùng cư trú với gia đình người có đất bị thu hồi là đúng quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ.

Tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư lập ngày 09/8/2022 tại Tổ dân phố số E (bút lục: 105) thể hiện cuộc họp đã thống nhất xác định:

"1. Thửa đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Quang V tại địa chỉ số A N có nguồn gốc như sau:

- Nguyên là hồ cá của HTX Đ. Bà Đồng Thị D tự vượt lập từ trước năm 1980, sau đó bán cho bà Nguyễn Thị T2 (hiện tại giấy tờ chuyển nhượng đã bị thất lạc).

- Theo Phương án bồi thường GPMB Quốc lộ 5 năm 1997 ghi hộ bà T2 sử dụng thuộc thửa 122b + 122a + 122 diện tích 192,41m^2. Đến năm 1997 hộ bà T2

đã bị thu hồi một phần thửa đất có diện tích 128,06m^2 thuộc thửa 122b để thi công Quốc lộ 5. Diện tích còn lại sau thu hồi là 64,35m^2 (Hiện tại gồm 02 hộ sử dụng là Nguyễn Quang V và Đoàn Thị Kim P3 số 110 NBK, chia đều diện tích mỗi hộ sử dụng 32,1m^2). Tại bản đồ khảo sát địa chính phục vụ thi công Quốc lộ 5 năm 1996 thể hiện là đất thổ cư.

Bà Nguyễn Thị T2 chết. Ngày 29 và 30/2/2002, các ông: Nguyễn Thế C1, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Thế L (là đại diện của hộ bà T2) lập Giấy biên nhận bán nhà cho bà Phạm Thị C2, ông Hà Văn L1 và bà Đoàn Thị Kim P3 - giấy viết tay.

- Theo bản đồ địa chính phường L năm 2001, ông Nguyễn Thế L (là chủ cũ) kê khai sử dụng đất tại thửa 88, tờ bản đồ địa chính LT23; diện tích 51,2m^2; mục đích sử dụng đất: Làm nhà ở, loại đất đô thị. Phần diện tích 32,17m^2, hộ bà T2 tự ý chuyển mục đích sử dụng đất làm nhà ở trước ngày 15/10/1993. Phần diện tích tăng 19,03m^2 là do lấn chiếm ra mương thoát nước An Kim H4.

- Đến ngày Giấy chuyển nhượng nhà 21/7/2013, bà Đoàn Thị Kim P3, Hà Huy H6, Hà Thị Phương T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị M - giấy chuyển nhượng nhà viết tay.

Theo Trích lục địa chính số 69/2020 (Bản đồ thu hồi đất) hộ ông Nguyễn Quang V bị thu hồi tại thửa đất 99, loại đất ở đô thị; diện tích 63,2m^2. Phần diện tích tăng 12,0m^2 giữa Bản đồ địa chính năm 2001 và Bản đồ thu hồi đất năm 2020 là do hộ ông V lấn chiếm ra mương thoát nước An Kim H4. Hiện tại hộ ông V sử dụng đất không có tranh chấp.

2. Thời điểm xây dựng công trình trên đất thủy lợi: Năm 2006…".

[1.2] Theo Báo cáo thẩm định điều chỉnh các Báo cáo thẩm định nguồn gốc đất số 443/BC-TNMT ngày 27/10/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận N và Báo cáo điều chỉnh nguồn gốc sử dụng đất số 220/BC-UBND phường L thể hiện: Thửa đất thu hồi của gia đình ông Nguyễn Quang V có nguồn gốc do cụ Đồng Thị D tự vượt lập từ trước năm 1980, sau đó bán lại cho cụ Nguyễn Thị T2 (giấy tờ chuyển nhượng đã bị thất lạc).

Theo bản đồ địa chính đường 5 năm 1996: Hộ cụ T2 (là chủ cũ) sử dụng 192,41m^2 đất thuộc thửa 122b+122a+122+123b+123a+123. Diện tích thu hồi trong chỉ giới là 104,66m^2 (thực tế thu hồi 128,06m^2; trong đó 24,4m^2 bồi thường ngoài bản đồ địa chính), diện tích còn lại là 87,75m^2.

Năm 2001, khi đo vẽ thành lập bản đồ địa chính phường L, ông L (là chủ cũ) kê khai sử dụng đất thửa 88, tờ bản đồ địa chính LT23, diện tích 51,2m^2. Diện tích biến động tăng 6,86m^2 là do sử dụng mương An Kim H4. Sau khi cụ T2 chết, ngày 29 và 30/02/2002 các ông Nguyễn Thế C1, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Thế L (là đại diện của hộ cụ T2) lập Giấy biên nhận bán nhà cho bà Phạm Thị C2, ông Hà Văn L1 và Đoàn Thị Kim P3 (giấy tờ viết tay). Sau đó, bà Đoàn Thị Kim P3, Hà Huy H6, Hà Thị Phương T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị M (giấy tờ chuyển nhượng viết tay ngày 21/7/2013), diện tích 65,0m^2, nhà số A N. Diện tích 87,75m^2 sau này do 02 hộ sử dụng là gia đình ông

Nguyễn Quang V số 112 Nguyễn Bỉnh K sử dụng diện tích 44,34m^2 và Đoàn Thị Kim P3 số 110 Nguyễn Bỉnh K sử dụng 43,41m^2.

Năm 2020, lập trích lục đia chính số 69/2020/TL-1/500, hộ ông Nguyễn Quang V sử dụng thửa 99, loại đất ở đô thị, diện tích 63,2m^2. Diện tích biến động tăng 12,0m^2 do tiếp tục sử dụng mương An Kim H4.

[1.3] Nội dung tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư và các Báo cáo nêu trên là phù hợp với nội dung Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND thành phố H tại buổi làm việc với 18 công dân đại diện các hộ dân có kiến nghị tại phường L, phường Đ, Quận N số 673/TB-UBND ngày 18/11/2022 và nội dung trả lời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của các hộ dân tại Quận N, trong đó có nội dung: *"... Theo văn bản xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND phường L được Phòng TNMT thẩm định có xác nhận của UBND quận N Đất của các hộ dân đang sử dụng nguyên là hồ cá của Hợp tác xã Đ, tự vượt lập từ năm 1960 đến năm 1980 (tự ý chuyển mục đích sử dụng đất từ ao hồ thành đất ở trước ngày 15/10/1993, được thể hiện trong hồ sơ bồi thường Dự án đầu tư xây dựng Đường E)"*. Đồng thời, phù hợp với nội dung Biên bản kiểm kê tài sản hoa màu thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng thi công Quốc lộ 5 của gia đình bà T4 lập ngày 03/8/1996 do gia đình bà T4 tự khai: *"Đất nguyên của bố Trần Văn D1 (chết) tự vượt lập trên hồ cá Hợp tác xã Đ 1969"* và phù hợp với nội dung tại Biên bản kiểm tra số 49/BBKT ngày 15/4/1994 về việc lấn chiếm đất và xây dựng nhà trái phép trên dải hành lang kênh An Kim H4 (thể hiện hộ cụ Nguyễn Thị T2 có nhà ở 28m^2 và công trình phụ 8m^2 trên tổng diện tích 150m^2 đất) với kết luận: *"Việc bà T2 chiếm đất, xây dựng nhà trên dải hành lang kênh An Kim H4 là hoàn toàn sai trái, vi phạm nghị định 141-CP ngày 26/9/1963 của Hội đồng Chính phủ, khoản đ điều 18 Điều lệ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy nông, vi phạm Nghị định 141-HĐBT ngày 25/4/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Quyết định 165/QĐ-UB ngày 02/02/1991 của UBND thành phố H về quản lý đô thị"*.

[1.4] Với những tài liệu, chứng cứ nêu trên, UBND Quận N xác định diện tích đất ông V bị thu hồi có nguồn gốc nguyên là một phần hồ cá của HTX Đ do cụ Đồng Thị D tự vượt lập từ trước năm 1980 rồi chuyển nhượng cho gia đình cụ T2. Kể từ thời điểm sau khi nhà nước thu hồi đất năm 1996 đến năm 2020 (lập trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500) gia đình cụ T2, ông L, bà P3 rồi sau năm 2013 là ông V sử dụng đất biến động tăng 18,86m^2 do chiếm dụng đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi (mương thoát nước A) là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất:

[2.1] Trên cơ sở việc xác định nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng, sự biến động của diện tích đất hộ gia đình ông V sử dụng như đã nêu tại mục [1] ở trên, sau khi tiến hành các thủ tục theo quy định, UBND Quận N đã ban hành Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc thu hồi 44,34m^2 đất của hộ gia đình ông Nguyễn Quang V thuộc một phần thửa đất số 99 Trích lục địa chính số 69/2020-TL tỷ lệ 1/500 lập ngày 13/5/2020 và Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án là bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

[2.2] Về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Quang V, xét thấy:

Tại Phương án kèm theo Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022, UBND Quận N đã phê duyệt bồi thường về đất cho gia đình ông V đối với diện tích đất 44,34m^2/63,20m^2 nhưng ông V phải thực hiện nghĩa vụ tài chính 50%; bồi thường 100% giá trị nhà, công trình xây dựng và cây trồng trên đất đủ điều kiện bồi thường; chi phí di chuyển tài sản 5.000.000 đồng; hỗ trợ nơi tạm lánh 5.000.000 đồng; hỗ trợ ổn định cuộc sống 6.000.000 đồng; hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm lánh trong thời gian tạo lập chỗ ở mới 30.000.000 đồng; ngoài ra, theo xác minh của Công an phường L, thực tế trên phần đất bị thu hồi có 03 nhân khẩu đang sinh sống gồm ông Nguyễn Quang V, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Quang H5 nên gia đình ông V đã được giao 01 suất tái định cư - là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho gia đình ông V. Việc ông V cho rằng thửa đất của hộ gia đình ông giáp 02 mặt đường nên phải được áp thêm 10% giá đất, yêu cầu tăng tiền hỗ trợ tạm lánh thêm 06 tháng và giao thêm 01 suất tái định cư là không có căn cứ pháp luật.

[2.3] Như vậy, có đủ cơ sở xác định Quyết định số 3093/QĐ-UBND và Quyết định số 3148/QĐ-UBND cùng ngày 17/11/2022 của UBND Quận N về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung đúng quy định của pháp luật và đã đảm bảo đầy đủ quyền lợi hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn Quang V. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông V về việc hủy 02 Quyết định trên là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Đối với yêu cầu hủy quyết định xử lý vi phạm hành chính:

Trên cơ sở hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương, chồng ghép các tờ bản đồ qua các thời kỳ và kiểm tra hiện trạng sử dụng đất; công chức địa chính - xây dựng phường L đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 34/BB-VPHC vào hồi 14 giờ 40 phút ngày 09/9/2022 tại số A N. Biên bản này thể hiện tại thời điểm lập biên bản ông V không có mặt nhưng có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Kim A (Chủ tịch Ủy ban MTTQ phường L), ông Vũ Xuân S (Tổ trưởng Tổ dân phố số E phường Đ) và có chữ ký của đại diện UBND phường L, đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020): *"Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến".* Ngày 11/9/2022, Phó Chủ tịch UBND, Chủ tịch Ủy ban MTTQ, công chức địa chính xây dựng phường L và Tổ trưởng tổ dân phố số E đã đến gia đình ông Nguyễn Quang V tại A N để giao Biên bản trên nhưng gia đình ông V không nhận biên bản.

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 34/BB-VPHC lập hồi 14 giờ 40 phút ngày 09/9/2022 nêu trên thể hiện có nội dung: Hộ ông Nguyễn Quang V lấn chiếm diện tích 31,03m^2 đất thuộc một phần thửa đất 99 Trích lục địa chính 69/2020 tỷ lệ 1/500 do Trung tâm K2 lập ngày 13/5/2020 thực hiện Dự án. Phần diện tích 31,03m^2 là đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, hiện trạng là nhà 01 tầng trên phần diện tích đã lấn chiếm. Vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều 24 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, thủy lợi, đê điều. *(7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:... b) Xây dựng nhà ở, cầu, kè, nơi sản xuất và các công trình kiên cố khác không có giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự)*. Ngày 07/10/2022, Chủ tịch UBND Quận N ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2580/QĐ-KPHQ đối với ông Nguyễn Quang V, thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này. Ngày 08/10/2022, UBND phường L tiến hành giao quyết định trên nhưng ông V không nhận.

Tiếp sau đó, căn cứ vào Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 119/BB-XM do Tổ xác minh của UBND phường L lập ngày 01/11/2022 thể hiện ông V xây dựng nhà trên phần diện tích 18,86m^2 đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Ngày 02/11/2022, Chủ tịch UBND Quận N đã ban hành Quyết định số 2913/QĐ-SĐBSHB về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2580/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 nêu trên với nội dung sửa đổi hành vi hành chính cần khắc phục là "xây dựng nhà trên phần diện tích 18,86m^2 trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi…" và sửa đổi về lý do xử phạt. Ngày 04/11/2022, UBND phường L tiến hành giao quyết định, ông V đã nhận quyết định nhưng không ký vào biên bản.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND Quận N đã ban hành Quyết định hành chính về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và sửa đổi Quyết này cho chính xác là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hành vi vi phạm theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ. Do hết thì hạn khắc phục hậu quả nhưng gia đình ông V không thực hiện nên ngày 12/12/2022 Chủ tịch UBND Quận N đã ban hành Quyết định số 3626/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đúng quy định của pháp luật.

[4] Tổng hợp những nội dung phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính. Ông Nguyễn Quang V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông V và người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V không đưa ra được tài liệu, chứng cứ

hoặc lý do nào mới, phù hợp với quy định của pháp luật; Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến kết luận kháng cáo của ông V là không có căn cứ pháp luật, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang V.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang V có kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Quang V; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2024/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Ông Nguyễn Quang V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do anh Đặng Đình P1 đã nộp thay ông V tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000370 ngày 22 tháng 5 năm 2024.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/3/2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Điền

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.